TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 292/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 - 2021
"V/v tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hường
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Sơn Hùng
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Thành – kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Ngọc L, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp PN, xã PH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Ấp KT, xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trịnh Thị Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông B kết hôn vào năm 2002, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung. Thường hay cãi vả nhau, ông B hay nhậu rồi dùng lời lẽ xúc phạm bà, không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng sống ly thân hơn 04 năm nay. Nay nhận thấy tình trạng đã trầm trọng không còn hàn gắn được tình cảm của bà với ông

B nên bà yêu cầu ly hôn ông Huỳnh Văn B.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Quang Tường, sinh năm 2004, hiện con chung đang sống chung với bà. Ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn B đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của ông.

Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, cho bà L ly hôn với ông B. Ông bà có 01 con chung tên Huỳnh Quang Tường, sinh ngày 22/4/2004. Giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng và ông B không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông B, địa chỉ cư trú của ông B là tại ấp KT, xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Bà L và ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng bà L có đơn xin vắng mặt và ông B vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông B theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Bà L và ông B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hoá, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Nay cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông B.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông B để ông thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên cho đến nay ông B vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như ông tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Qua xác minh thì địa phương xác định ông B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp KT, xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng ông bà như thế nào thì địa phương không rõ, hiện ông bà không còn chung sống với nhau.

[2.4] Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế ông bà đã không còn chung sống cùng nhau cũng như không còn sự thăm nom, chăm sóc lẫn nhau. Ông bà ly thân đã được 04 năm nhưng vẫn không thể giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà L yêu cầu ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn và bà từ chối việc Toà án tiếp tục hòa giải cũng như xin vắng mặt khi xét xử cho thấy sự cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn, phía ông B thì vắng mặt trong thời gian giải quyết vụ án, không có thể hiện thiện chí muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà L. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của bà L với ông B là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Ông bà có 01 con chung tên Huỳnh Quang Tường, sinh ngày 22/4/2004 hiện đang do bà L nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện con chung đang sinh sống cùng bà L để đảm bảo ổn định tâm lý, cuộc sống sinh hoạt của con chung cũng như phù hợp với ý kiến của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Tường cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng và ông B không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà L và thành viên gia đình không được cản trở ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông B không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Ngọc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trịnh Thị Ngọc L ly hôn với ông Huỳnh Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 145 ngày 22 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho bà Trịnh Thị Ngọc L và ông Huỳnh Văn B không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có 01 con chung tên Huỳnh Quang Tường, sinh ngày 22/4/2004 hiện đang do bà L nuôi dưỡng. Giao con chung cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng và ông B không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà L và thành viên gia đình không được ngăn cản ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trịnh Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008799 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú. Ông Huỳnh Văn B không phải chịu án phí sơ thẩm.

Bà Trịnh Thị Ngọc L và ông Huỳnh Văn B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND H.Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Hường